

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 02 - 2022
“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Japan, Chibaken - N - M M N.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L (để thực hiện giao, nhận văn bản tố tụng): Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970; nơi cư trú: Phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Ngô Nguyên N, sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; anh N hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà - C10 Bộ Công an; địa chỉ: xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970; bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972; đều cư trú: Phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông K, bà H; vắng mặt chị L, anh N, bà V (đều có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Ngô Nguyên N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N ham chơi, không chịu làm ăn, nhiều lần vi phạm pháp luật và hiện nay, anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA, sinh ngày 20/5/2014. Hiện nay cháu QA đang ở với bà nội là bà Đinh Thị H ở xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24/11/2021, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Phương QA, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị V thay chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu QA cho đến khi chị L trở về Việt Nam. Tuy nhiên, chị còn có quan điểm là trong trường hợp anh N muốn giành quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu QA, chị L cũng đồng ý để cho anh N nuôi con. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu QA đủ 18 tuổi.

Tại đơn đề nghị ngày 08/02/2022, Chị Nguyễn Thị L trình bày: thông qua bố đẻ, chị biết được quan điểm của anh N cũng có nguyện vọng được nuôi cháu QA và đồng ý để chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng thì chị cũng hoàn toàn nhất trí; vì vậy chị đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Phương QA cho anh Ngô Nguyên N nuôi dưỡng, chăm sóc, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh N là 1.500.000 đồng/tháng; chị cũng nhất trí với ý kiến của anh N là ủy quyền cho bà nội (bà Đinh Thị H) chăm sóc cháu QA trong thời gian anh N vắng nhà.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị L và anh N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh N không phải nộp.

* Quan điểm của anh Ngô Nguyên N (căn cứ tài liệu hồ sơ):

Anh N trình bày: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2015, do chị L bỏ nhà và chồng con đi đâu không rõ; vợ chồng mâu thuẫn về quan điểm sống, dẫn đến mục đích hôn nhân và tình cảm không được như lúc ban đầu. Nay chị L xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA, sinh ngày 20/5/2014. Năm 2015 chị L đi Nhật nên anh N một mình nuôi con. Vì vậy, anh N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu QA. Do anh đang chấp hành án trong Trại giam nên anh N ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Đinh Thị H ở thôn Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu QA cho đến khi anh N chấp hành xong án. Anh N đồng ý để chị L cấp dưỡng nuôi cháu QA cùng anh N với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu QA đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh N và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N đồng ý để chị L nộp toàn bộ tiền án phí.

* Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Chị L và anh N kết hôn năm 2013, có tổ chức đám cưới và có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh N không hạnh phúc do anh N nghiện ma túy, nhiều lần vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù. Do chị L xin ly hôn anh N vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, chị L đưa ra hai ý kiến về việc nuôi con là trước hết chị L muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu QA và ủy quyền cho bố mẹ đẻ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu trong thời gian chị L ở Nhật Bản, còn nếu anh N muốn giành quyền nuôi con, chị L đồng ý và nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000/tháng cùng anh N.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, gia đình ông K, bà V thấy cháu QA hiện đang ở với bà nội là bà Đinh Thị H được bà chăm sóc rất tốt, cháu chăm ngoan, học giỏi và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố và bà nội chứ không muốn ở với ai khác. Vì vậy, ngày 08/02/2022 chị L có làm đơn đề nghị trình bày rõ quan điểm về con chung là đề nghị Tòa án giao cháu QA cho anh N

tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và chị L đồng ý với việc anh N ủy quyền cho bà nội (bà Đinh Thị H) chăm sóc cháu QA trong thời gian anh N vắng nhà. Vợ chồng ông K, bà V hoàn toàn nhất trí với quan điểm này của chị L, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của các bên, của cháu QA, và giao cháu QA cho bố và bà nội cháu nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N và chị L không có.

Bà Đinh Thị H trình bày:

Năm 2013 anh N, chị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, bà không thấy anh N, chị L mâu thuẫn gì lớn. Năm 2014, chị L sinh cháu Ngô Phương QA, đến khoảng giữa năm 2016 khi cháu QA được 2 tuổi, chị L bỏ nhà đi đâu không rõ. Từ đó cháu QA sống với bố và bà nội. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh N, bà cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA. Cháu QA hiện nay đang do bà H chăm sóc nuôi dưỡng. Khi anh N, chị L ly hôn, bà H đề nghị Tòa án giao cháu QA cho anh N nuôi dưỡng. Bà H đồng ý nhận sự ủy quyền của anh N, bà trình bày hiện đang có nguồn thu nhập từ việc làm hợp đồng nấu ăn cho Công ty xi măng Bút Sơn được 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bà còn nhận quét đường tại thôn được khoảng 7.000.000 đồng/năm và có thêm thu nhập bán hoa quả từ vườn nhà nên bà sẽ có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu QA trong thời gian anh N chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N và chị L không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021 đối với cháu Ngô Phương QA, cháu trình bày từ nhỏ đến hiện nay cháu ở với bà nội, cháu xác định cuộc sống hiện nay cháu được bà nội chăm sóc rất tốt, mọi người trong nhà ai cũng quan tâm đến cháu; cháu QA có nguyện vọng được ở với bố và bà nội nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại Biên bản làm việc ngày 28/12/2021 với UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, xác định anh N và chị L có hộ khẩu thường trú tại xã, anh chị kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Sơn ngày 20/5/2013; quá trình chung sống xã không nắm được giữa anh chị có mâu thuẫn gì không, về phái chị L hiện đang ở Nhật Bản, còn anh N là người nghiện ma túy, đã nhiều lần bị bắt và bị xử phạt tù, hiện anh N vẫn đang chấp hành án tại Trại giam; về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA. Cháu QA hiện nay đang do bà H đang chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung, riêng anh chị không có, đối với các khoản nợ cá nhân xã không nắm được. Quan điểm giải quyết, đại diện UBND xã Thanh Sơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 301/TGNH-GD ngày 15/02/2022 của Trại giam Nam Hà, cung cấp thông tin về quá trình chấp hành án của anh Ngô Nguyên N đang chấp hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với mức án phạt 03 năm tù; đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù 02 tháng, dự kiến thời hạn chấp hành xong án phạt tù của anh N là tháng 12/2022.

Tại Giấy xác nhận ngày 11/02/2022 của cô giáo Nguyễn Thị Chung (là giáo viên dạy lớp 5 tuổi của cháu QA), Giấy xác nhận ngày 11/02/2022 của Hiệu trưởng Trường mầm non xã Thanh Sơn (nơi cháu QA học từ năm 2017 đến năm 2020), Giấy xác nhận ngày 10/02/2022 của cô giáo Đinh Thị Hải Yến là giáo viên chủ nhiệm lớp 2A4 và Giấy xác nhận ngày 11/02/2022 của Trường tiểu học xã Thanh Sơn nơi cháu QA học hiện nay) đều xác nhận việc bà nội cháu QA là bà Đinh Thị H là người luôn quan tâm yêu thương, chăm sóc, đưa đón, bảo trợ, đóng góp các khoản chi phí học tập cho cháu QA trong quá trình học tập của cháu.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt của bà H, ông K.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn K, bà Đinh Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về quan hệ hôn nhân xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Nguyên N; về con chung giao cháu cháu Ngô Phương QA, sinh ngày 20/5/2014 cho anh Ngô Nguyên N (ủy quyền cho bà H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng; án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L làm đơn ly hôn anh Ngô Nguyên N khi chị L đang đi lao động tại Nhật Bản, có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, còn anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà. Tòa án đã thực hiện việc

tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Đối với việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Nguyên N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng ngày 20/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, anh N nhiều lần vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù (hiện anh N đang chấp hành án), chị L bỏ nhà đi, năm 2017 do gia đình khó khăn nên chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác quan điểm của anh N và chị L cũng nhất trí, thuận tình ly hôn nên căn cứ các Điều 55, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận xử thuận tình ly hôn đối với anh chị là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh N không có con riêng, con nuôi, chỉ có 01 con chung là cháu Ngô Phương QA, sinh ngày 20/5/2014, cháu ở với bố và bà nội từ bé, vì anh Ngô Nguyên N đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên hiện nay cháu QA đang được bà nội là Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; mặt khác chị L hiện đang lao động ở Nhật Bản, chưa xác định thời hạn trở về Việt Nam và bố mẹ đẻ của chị L là ông K, bà V cũng nhất trí giao cháu cho anh N, bà H nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy anh N sắp hoàn thành việc chấp hành án phạt tù (dự kiến tháng 12/2022), cháu QA ở bên nhà nội từ khi còn nhỏ đến nay đều được bố và bà nội chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục rất tốt như xác nhận của cháu, các Trường cháu đã học và kết quả cháu được thưởng nhiều Giấy khen vì thành tích học tập hàng năm; hiện cháu đang sinh sống, học tập ổn định, không nên thay đổi môi trường sống, học tập sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý và tình cảm của cháu. Cần chấp nhận yêu cầu này của anh N và sự thỏa thuận của chị L giao cháu QA cho anh Ngô Nguyên N nuôi dưỡng; do bà H cũng có nguồn thu nhập, bà lại đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu QA ổn định và chu đáo, chị L cũng tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con và vì anh N đang chấp hành án nên chấp nhận sự ủy quyền của anh N giao bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu QA đến khi anh N trở về sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh N số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu QA đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Chị L, anh N xác định không có và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận việc Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu và nộp thay cả phần án phí ly hôn của anh Ngô Nguyên N; Chị Nguyễn Thị L còn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Nguyên N.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Phương QA, sinh ngày 20/5/2014 cho anh Ngô Nguyên N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được (chấp nhận sự thỏa thuận của anh N và bà H, giao cho bà Đinh Thị H thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu QA đến khi anh N chấp hành xong án phạt tù). Chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung với anh N số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu QA đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Nguyên N và các thành viên trong gia đình không được cản trở Chị Nguyễn Thị L trong việc thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Phương QA.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Nguyên N xác định không có và không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L nộp số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn (thay cả phần án phí của anh N) và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng. Được đối trừ số tiền 300.000 đồng chị L (do ông Nguyễn Văn K là bố đẻ nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0001461 ngày 03/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.
Chị L phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho đương sự vắng mặt là anh Ngô Nguyên N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày và đương sự là Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Sơn, H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng